TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Xiêm

2. Ông Vi Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Duy K, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Duy K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Hồng N do tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại huyện Đ. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2018 thì mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị Như tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh không đến thăm vợ con cũng như không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy không thể tiếp tục hôn nhân nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 07/01/2018, hiện con đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu chị Như tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Thu nhập hằng tháng là 4.000.000 đồng nên anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh và chị N không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị thống nhất với trình bày của anh K về điều kiện, thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà chồng tại huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, anh K thường xuyên có hành vi đánh đập chị, gia đình chồng biết việc này nhưng không ngăn cản. Vào khoảng đầu năm 2018, do mẹ chị bị bệnh và thời tiết ở quê chồng không tốt cho sức khỏe của chị nên chị có xin ba mẹ chồng về thăm nhà thì anh K gom hết đồ đạc của chị và con đuổi chị về nhà mẹ ruột. Từ khi chị về nhà cha mẹ ruột sống, anh K không đến thăm vợ con. Nay anh K nộp đơn xin ly hôn, chị vẫn còn thương anh K nên không đồng ý ly hôn. Tuy anh K có hành vi bạo lực với chị nhưng anh K vẫn thương gia đình nên chị muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Nếu anh K đồng ý hàn gắn thì chị đồng ý về nhà chồng sống sau khi sống ở gia đình chị vài năm.

Về nuôi con chung: Chị và anh K có 01 con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 07/01/2018, hiện con đang sống với chị. Trường hợp Tòa án chấp

nhận yêu cầu ly hôn của anh K, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và anh K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của anh K và chị N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân, anh chị không gặp nhau để hàn gắn, chị N không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh K nhưng không đưa ra giải pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm, còn anh K vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K. Về nuôi con chung: Cháu Lê Thị Kiều T, sinh ngày 07/01/2018 hiện đang sống cùng chị N và cả hai anh chị đều thống nhất giao con cho chị N nuôi dưỡng nên đề nghị tiếp tục giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng; Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh K chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng nhưng chị N không cung cấp được mức thu nhập của anh K để đảm bảo khả năng cấp dưỡng và căn cứ vào mức sống tại địa phương đề nghị ghi nhận anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: anh K và chị N cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Duy Khánh và nội dung vụ việc cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Công an xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thì bị đơn Nguyễn Hồng N đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Duy K đối với chị Nguyễn Hồng N, thấy rằng:

Về hôn nhân: Anh Lê Duy K và chị Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh K nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ bất đồng quan điểm sống và do chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nên không còn tình cảm. Chị N thì trình bày trong quá trình chung sống anh K thường xuyên đánh đập, có hành vi bạo lực lực với chị, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 01/2018 cho đến nay nhưng vì chị vẫn còn thương anh K nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn anh K và chị N không cùng nhau vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, dẫn đến anh K đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N không đồng ý ly hôn và mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ với anh K nhưng chị không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm với anh K. Mặt khác, anh K và chị N đều thừa nhận trong khoảng thời gian sống ly thân hơn 01 năm anh chị không gặp nhau để bàn bạc, tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Anh K và chị N có 01 con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 07/01/2018, đang sống với chị N. Nay ly hôn, anh K và chị Như thống nhất chị N sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T nên để chị N tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý của cháu. Chị N yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, còn anh K chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng vì thu nhập hằng tháng của anh khoảng 4.000.000 đồng, anh không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N. Do chị N không cung cấp được mức thu nhập của anh K để đảm bảo khả năng cấp dưỡng của anh K theo yêu cầu của chị và căn cứ mức sống tại địa phương nên buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị N đều xác định giữa anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Anh Lê Duy K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy K.

Anh Lê Duy K được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 07/01/2018. Anh Lê Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trâm mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hình thức

cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần. Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Duy K và chị Nguyễn Hồng N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình: Anh Lê Duy K phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu

số 0000434 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng: Anh Lê Duy K phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã C, huyện Đ
tỉnh Bến Tre (19; 30/6/2017), (1b);
- Đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Đỉnh